

LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

 LÊ VĂN BÌNH*

Ngày nhận: 10/6/2020

Ngày phản biện: 30/6/2020

Ngày duyệt đăng: 28/7/2020

Tóm tắt: Việc nghiên cứu luật thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường là cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Bài viết tập trung nghiên cứu về nguồn luật và sự phát triển của luật thương mại quốc tế trong nền kinh tế thị trường; nghiên cứu sự hài hòa hóa pháp luật và tác động của nó đến hoạt động thương mại quốc tế. Nội dung bài viết sẽ phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng pháp luật Việt Nam tiệm cận với các quy định của WTO và của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs).

Từ khóa: Thương mại quốc tế; Luật Thương mại quốc tế; kinh tế thị trường.

INTERNATIONAL TRADE LAW IN A MARKET ECONOMY

Abstract: The study of international trade law in the market economy is essential with both theoretical and practical significance. This article focuses on legal sources and the development of international commercial law in the market economy; study laws harmonization and its impact on international trade. The content of this article can be used for training, lecturing and scientific researching purposes, which would contribute to the process of making Vietnamese laws to be close to provisions of WTO as well as New-generation free trade agreements (FTAs).

Keywords: International commerce; international trade law; market economy.

1. Đặt vấn đề

Có thể hiểu nền kinh tế thị trường là phi tập trung, năng động, thực tiễn và dễ thay đổi, trong đó luôn có các yếu tố: chính phủ, con người và việc tự do kinh doanh. Ví dụ như: khách hàng có quyền tự do lựa chọn các hàng hóa và dịch vụ cạnh tranh; nhà sản xuất có quyền tự do kinh doanh, phân chia rủi ro và lợi nhuận; người lao động có quyền tự do lựa chọn công việc hoặc nghề nghiệp, tham gia vào nghiệp đoàn lao động hay thay đổi nơi làm việc; bên cạnh đó các chính phủ đóng vai trò không phải là người thay thế thị trường, mà là cải thiện các chức năng của nền kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường hay quá trình toàn cầu hóa diễn ra trong thế giới đương đại đã đặt ra yêu cầu điều chỉnh của pháp luật, nên nhu cầu hài hòa hóa pháp luật giữa pháp luật của các quốc gia với nhau và pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế là cấp thiết. Kinh tế thị trường đã làm cho các dòng họ

pháp luật cơ bản trên thế giới “giao thoa” với nhau nhiều hơn thông qua sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau cho phù hợp với quy luật thị trường. Tuy nhiên, kinh tế thị trường có thể chỉ là một nguyên do, còn nhu cầu các quốc gia (nhu cầu tự thân) quốc tế hóa pháp luật quốc nội mới là lý do quan trọng nhất. Luật quốc tế và pháp luật của các quốc gia khác nhau đã tác động tích cực đến sự hoàn thiện hóa pháp luật của mỗi quốc gia [1, tr.20-21], trong đó có pháp luật điều chỉnh về hoạt động ngoại thương và thương mại quốc tế. Pháp luật Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Vậy, kinh tế thị trường và toàn cầu hoá là điều kiện để luật thương mại quốc tế thể hiện khả năng điều chỉnh các quan hệ kinh tế thương mại trong một nền kinh tế thế giới phụ thuộc lẫn nhau, thâm nhập lẫn nhau, trong đó các quốc gia liên kết với nhau, hợp tác và phụ

* Trường Đại học Công đoàn

thuộc vào nhau trong một chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

Hoạt động ngoại thương [2] là đối tượng được ưu tiên điều chỉnh bởi luật công của mỗi quốc gia, tuy nhiên bên cạnh luật công thì hoạt động ngoại thương còn được điều chỉnh bằng luật tư và yếu tố thị trường. Trong đó, nhà nước xác định ai có thể tham gia với tư cách là chủ thể hoặc hạn chế thành phần chủ thể của hợp đồng ngoại thương trong một số các lĩnh vực nhất định, hoặc cho phép thực hiện các giao dịch với một nhóm hàng hóa cụ thể đối với các chủ thể đáp ứng được các yêu cầu luật định.

Thương mại thế giới trong quá trình hình thành và phát triển đã áp dụng các phương thức xuất nhập khẩu khác nhau, nhà nước thường thiết lập chế độ giao thương hàng hóa và biên giới hải quan, quy định hàng hóa được xuất nhập khẩu cần (hoặc không) có giấy phép, đặt ra các yêu cầu đặc biệt để xác nhận chất lượng hàng hóa [3], và trong điều kiện cần thiết sẽ giới hạn số lượng hàng hóa xuất nhập khẩu¹.

Luật thương mại quốc tế được hình thành và phát triển như một ngành luật có tính chất rất phức tạp và liên ngành, vì nó có đối tượng điều chỉnh đa dạng và rất khác nhau về bản chất, dẫn đến có sự kết hợp đặc biệt giữa các quy phạm của các ngành luật khác nhau cùng điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế, ví dụ như: luật quốc tế, luật nhà nước, luật dân sự, luật kinh doanh, v.v...

2. Nguồn luật và sự phát triển của luật thương mại quốc tế

Phần lớn các quy phạm pháp luật điều chỉnh xuất nhập khẩu, có tính chất "luỡng tính", tức là có sự tham gia của luật công và luật tư, được cụ thể hóa trong chế độ pháp lý của các hợp đồng ngoại thương, trong đó trực tiếp ghi nhận cơ chế áp dụng các quy phạm có tính chất bắt buộc. Ví dụ như: nguyên tắc của pháp luật dân sự được quy định tại điều 3 Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015 và điều 4 Luật quản lý ngoại thương năm 2017 là các quy phạm có tính mệnh lệnh hay dưới một dạng đặc biệt nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia giao lưu dân sự, thương mại nói chung và có tính quốc tế nói riêng được pháp luật ghi nhận, điều chỉnh và bảo vệ.

Tiêm cận trên bình diện luật công về chế độ pháp lý của các hợp đồng ngoại thương có thể cho chúng ta một góc nhìn pháp luật có tính hệ thống hơn, chẳng hạn khi gia nhập WTO (2007) Việt Nam đã sửa đổi bổ sung pháp luật cho phù hợp với hệ thống

quy phạm và các quy tắc của WTO (thị trường thương mại toàn cầu) là vấn đề cấp thiết. Vì tại khoản 4 Điều XVI của Hiệp định thành lập WTO (Hiệp định Marrakesh số 204/WTO/VB ngày 15/4/1994) đã khuyến nghị các quốc gia thành viên sửa đổi pháp luật quốc gia (bao gồm: văn bản luật, văn bản dưới luật, các quyết định hành chính của Chính phủ và của các cơ quan thuộc Chính phủ ở trung ương và địa phương) cho phù hợp với quy định của Hiệp định; hoặc các vấn đề liên quan đến hỗ trợ của nhà nước (chính phủ) cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm phải được quy định chặt chẽ, hạn chế và cần minh bạch theo quy định của WTO. Gia nhập WTO, Việt Nam đã hoàn thiện pháp luật tương thích với các quy định WTO.

Chế độ pháp lý của hợp đồng ngoại thương được đặc trưng bởi tính phức tạp trong quy định của các nguồn luật (pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia), có thể liên quan đến pháp luật của hai hay nhiều nước hoặc liên quan đến cả luật công và luật tư. Tuy nhiên, tính phức tạp nói trên là hợp lý vì nguồn luật điều chỉnh thương mại quốc tế luôn có sự thay đổi cho phù hợp với quy luật thị trường, ngoài ra nguồn luật này còn thể hiện tính chủ quyền quốc gia và tính thống nhất trong các điều ước (song phương, khu vực và toàn cầu).

Theo quan điểm của các học giả trong và ngoài nước, pháp luật điều chỉnh thương mại quốc tế nói chung và lĩnh vực hợp đồng kinh tế - thương mại quốc tế nói riêng thường là nguồn của pháp luật quốc gia [4, tr.34-35], [5, tr.20-25] nên khi điều chỉnh giao thương có yếu tố nước ngoài tất yếu dẫn tới sự xung đột pháp luật, vì gần như nguồn luật này được thiết lập để điều chỉnh thương mại và các hợp đồng trong nước. Do vậy, thông qua sự giao thương quốc tế mà luật thương mại quốc tế điều chỉnh có thể là điều kiện để các hệ thống pháp luật giao thoa với nhau và cùng hoàn thiện. Tính phức tạp của pháp luật điều chỉnh thương mại quốc tế còn được minh chứng bằng thực tiễn điều chỉnh các hoạt động kinh doanh quốc tế, như: mua bán, dịch vụ, tài chính, bảo hiểm, vận chuyển, giải quyết tranh chấp..., vì vậy, việc giải thích các đặc điểm cơ bản của luật thương mại quốc tế đương đại sẽ phản ánh bản chất phức tạp của nó trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa [4, tr.34-44], [5, tr.18-28], [6, tr.8-9]. Có thể

¹ Ví dụ như Quyết định 868/QĐ-BYT ngày 11/3/2020 của Bộ Y tế quy định về việc cấp giấy phép xuất khẩu đối với mặt hàng khẩu trang y tế trong giai đoạn phòng, chống dịch Covid-19.

hiểu luật thương mại quốc tế là phần cơ bản của luật kinh tế quốc tế, cũng như hoạt động ngoại thương là một phần cơ bản của hoạt động kinh tế đối ngoại của nhà nước.

Mỗi quốc gia thường có quy định riêng về quan hệ ngoại thương, với mục đích tạo điều kiện để các thực thể hoạt động ngoại thương nghiên cứu và tiếp cận thị trường nước ngoài, cũng như cách thức mở cửa thị trường nội địa và quy định chế độ pháp lý cho các chủ thể nước ngoài. Nhà nước trong một số trường hợp đã gia tăng sự hiện diện của mình trong nền kinh tế thị trường và thường trong các lĩnh vực có lợi nhuận và chiến lược nhất, bao gồm cả dưới hình thức "tập đoàn nhà nước"². Đây cũng là vấn đề mà các thực thể tham gia thương mại quốc tế cần quan tâm. Ngoài ra, trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, các tập đoàn xuyên quốc gia cũng có vai trò đặc biệt trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội, hoạt động của các tập đoàn cũng đặt ra những vấn đề cần được nghiên cứu chuyên sâu cả về lý luận và pháp lý.

Bản chất phức tạp của thương mại quốc tế được xác định trước hết là nguồn luật điều chỉnh, là sự tương tác và cơ chế phối hợp giữa luật công và luật tư tham gia điều chỉnh các hoạt động về mua bán, dịch vụ, tài chính, bảo hiểm, vận chuyển, điều chỉnh hải quan và giải quyết tranh chấp. Đây là các vấn đề đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu trong các ấn phẩm về luật kinh tế quốc tế [7, tr.168-185.], hoặc về các khía cạnh lịch sử của sự phát triển của luật thương mại quốc tế và luật ngoại thương [4, tr.47-94], [8, tr.190-216].

Vấn đề thương mại quốc tế còn được nghiên cứu dưới góc độ sự tương tác giữa luật quốc tế và luật quốc gia; hoặc trong phạm vi pháp luật điều chỉnh các quan hệ ngoại thương [9, tr.76-87]; [10]; hay trong hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa Trọng tài Thương mại quốc tế và sự ảnh hưởng của kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa đối với sự phát triển của pháp luật [11, tr.132-147]. Kinh tế thị trường và toàn cầu hóa là một quá trình khách quan và khó tránh khỏi, có tính tích cực và hạn chế, tính phức hợp của sự tương tác kinh doanh xuyên biên giới giữa các cá nhân, doanh nghiệp/công ty, thể chế và thị trường, được thể hiện trong việc mở rộng dòng luân chuyển của hàng hóa, công nghệ và nguồn tài chính, với tham vọng tăng trưởng ổn định và tăng cường sự ảnh hưởng của các thiết chế quốc tế, của xã hội dân sự và của các tập đoàn xuyên quốc gia, v.v. Kinh tế thị trường và toàn cầu hóa còn được

hiểu là quốc tế hóa, thống nhất hóa hay hội nhập quy mô toàn cầu trên cơ sở phổ quát được hình thành bởi cơ chế liên quốc gia với sự bảo đảm chung từ các quốc gia dựa trên khả năng điều chỉnh và quyền uy của pháp luật.

Hoạt động ngoại thương được xem là phần chính của hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó bao gồm các hoạt động ký kết và thực hiện hợp đồng về các lĩnh vực: thương mại hàng hóa, dịch vụ, thông tin và sở hữu trí tuệ, tuy nhiên vị trí trung tâm được coi là hợp đồng ngoại thương. Các hợp đồng ngoại thương được hiểu là một dạng hợp đồng thực hiện hành vi kinh doanh, do các thương nhân (thể nhân và pháp nhân) nằm trên lãnh thổ các quốc gia khác nhau thực hiện và nhằm mục đích trao đổi xuyên biên giới các sản phẩm là đối tượng điều chỉnh của hoạt động kinh doanh.

Theo quy luật và xu hướng phát triển, pháp luật điều chỉnh các quan hệ kinh tế, thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường, thường được biểu hiện dưới các góc cạnh:

Một là, dưới dạng các quy phạm "luật mềm" [12, tr.57-65,84] và sự hiện diện của các quy phạm "hỗn hợp".

Hai là, khẳng định được vị thế của mình trong mối quan hệ biện chứng: song phương và đa phương, ưu tiên theo hướng điều chỉnh đa phương; điều chỉnh một không gian kinh tế thế giới thống nhất trong bối cảnh còn tồn tại xung đột lợi ích giữa toàn cầu hóa với các hình thức nhà nước đương đại, với lợi ích chiến lược của từng quốc gia và của các nhóm quốc gia theo chủ nghĩa dân tộc.

Ba là, thể hiện sự gắn kết giữa luật quốc tế với các quan hệ kinh tế quốc tế, với luật quốc nội, khuyến khích sự tương tác trong các hoạt động kinh tế giữa các quốc gia với xu hướng mở rộng phạm vi đối tượng điều chỉnh của luật quốc tế.

Bốn là, sự đảm bảo bằng pháp luật về nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử; nguyên tắc về ưu đãi và chế độ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nước đang phát triển; thực hiện nguyên tắc có đi có lại hoặc cùng có lợi.

Năm là, hoàn thiện quy chế pháp lý về các quan hệ kinh tế quốc tế: có tính toàn cầu, thống nhất hóa và nguyên tắc ưu tiên áp dụng quy phạm điều ước.

² Ví dụ ở Việt Nam, ý tưởng phát triển một số tổng công ty thành tập đoàn kinh tế được bắt đầu từ QĐ 91/TTg ngày 07/3/1994 của TTCP. Đến tháng 11/2009, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định thí điểm thành lập tập đoàn kinh tế nhà nước Việt Nam (hiện nay Việt Nam có 10 tập đoàn).

Sáu là, đảm bảo sự điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động của các tập đoàn/công ty xuyên quốc gia; các nguyên tắc tự do hóa thương mại và bảo hộ thị trường trong nước; pháp luật điều chỉnh về thống nhất hóa các chế độ đầu tư; và đối với thị trường lao động.

Có thể nói rằng, pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế là hai hệ thống pháp luật có bản chất, phạm vi, đối tượng điều chỉnh và cơ chế hoạt động riêng, nhưng có sự tương tác thường xuyên, được trung gian bởi ý chí (hay quyền lực) quốc gia - người tham gia các giao tiếp quốc tế.

Nghiên cứu cơ chế pháp lý về sự tương tác chức năng giữa các quy phạm của luật quốc tế và luật quốc gia đã minh chứng cho học thuyết pháp lý về lý thuyết chuyển đổi, hợp nhất và thực thi, trong đó có những ý tưởng khác nhau về cơ chế áp dụng các quy phạm luật quốc tế trong phạm vi trật tự pháp lý quốc gia. Pháp luật quốc gia luôn thể hiện tính chủ quyền và tính bắt buộc (hay áp đặt), còn pháp luật quốc tế thể hiện sự dung hòa ý chí và thường có tính chất khuyến nghị.

Nguồn của luật thương mại quốc tế phát triển từ các tập quán thương mại, được ghi nhận trong các bộ luật (hoặc luật) thương mại, trong các hiệp định song phương, đến nửa sau của thế kỷ 20 là các điều ước đa phương. Nếu nghiên cứu từ các khía cạnh của thương mại thế giới, luật thương mại quốc tế có thể được hình thành và phát triển theo các giai đoạn sau đây:

Một là, giai đoạn từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XV, luật thương mại được thể hiện trong các tập quán và hiện diện ở các địa phương (vùng, miền) khác nhau. Trong đó, Italia (nước Ý) có thể không chỉ đi đầu trong sự phát triển các tập quán thương mại, mà còn đóng vai trò trung gian thương mại giữa Tây Âu và châu Á.

Hai là, từ nửa sau thế kỷ XV cho đến giữa thế kỷ XIX, thương mại thế giới và luật thương mại quốc tế được đánh dấu bằng sự xuất hiện của Bộ luật thương mại Pháp (1807), bộ luật này đã được phổ biến rộng rãi ở nhiều nước châu Âu, trong đó có Ý, Thụy Sĩ, Bỉ và Hà Lan, v.v...

Ba là, từ giữa thế kỷ XIX, thương mại thế giới được đánh dấu bởi liên minh kinh tế và pháp lý của nhiều Công quốc (principality) Đức khác nhau, lấy mục đích cùng bảo vệ Tổ quốc khỏi Napoleon, đã có sự xuất hiện của liên minh hải quan và hướng tới thống nhất hóa (codification) luật thương mại.

Bốn là, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, đây là giai đoạn thương mại gắn với hình ảnh England (nước Anh), là giai đoạn của sự hình thành các điều kiện tiên quyết cho kinh tế thị trường và toàn cầu hóa thương mại quốc tế sau này.

Năm là, từ đầu thế kỷ XX, đây có thể gọi là thời kỳ Anh-Mỹ với xu hướng phát triển các quan hệ thương mại và luật thương mại. Trong đó hai đại diện là Vương quốc Anh và Hoa Kỳ có vai trò dẫn đầu trong việc hình thành định hướng phát triển kinh tế - thương mại quốc tế trên bình diện thế giới.

Sáu là, từ giữa thế kỷ XX, là giai đoạn thương mại quốc tế kém phát triển do cuộc đối đầu kinh tế giữa hai hệ thống: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Bảy là, từ cuối thế kỷ XX đến nay, đây là giai đoạn kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, là giai đoạn mới trong phát triển quan hệ thương mại quốc tế, được đánh dấu bằng việc thành lập tổ chức WTO và gần đây là việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs), ví dụ như CPTPP, EVFTA.

Trước khi xây dựng kinh tế thị trường, Việt Nam cũng như các nước trong hệ thống XHCN khác không có truyền thống lịch sử ủng hộ một luật thương mại riêng biệt và khó có thể nói về một hệ thống độc lập của luật thương mại ở các quốc gia này, mà thực tế nó thường là một phần của luật dân sự. Điều này đúng trong mối quan hệ với luật công và đặc biệt là luật tư điều chỉnh các quan hệ ngoại thương.

Các tổ chức quốc tế công pháp hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý không phải là sự thỏa thuận của các thực thể tư, mà là điều ước quốc tế - văn bản sáng lập ra tổ chức quốc tế đó (luật công pháp quốc tế). Tuy nhiên, khi tham gia các quan hệ kinh tế quốc tế, một số hành vi nhất định của các tổ chức nói trên phải tuân theo các quy phạm của tư pháp quốc tế. Hoạt động của WTO, IMF, IBRD, UNCITRAL, UNIDROIT và các tổ chức quốc tế khác đã tác động tích cực đến kinh tế thế giới, góp phần thống nhất hóa các quy phạm của luật quốc tế về kinh tế thương mại, hoàn thiện hơn sự tương tác kinh tế, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các thành viên trên cơ sở bình đẳng, đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh và hướng tới thương mại công bằng, bảo vệ nền kinh tế trong nước và loại bỏ những rào cản phi lý đối với thương mại quốc tế.

Việt Nam đã xây dựng một nhóm nguồn luật để điều chỉnh hoạt động ngoại thương, đây là một bộ phận của pháp luật dân sự, ví dụ như: bộ luật dân sự, luật thương mại, luật chất lượng sản phẩm hàng

hóa năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), luật quản lý ngoại thương 2017³ v.v... phù hợp với các tiêu chuẩn WTO và FTAs.

3. Một số kết luận và khuyến nghị

Qua nghiên cứu luật thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường, tác giả có thể rút ra một vài kết luận và khuyến nghị sau đây:

Một là, hoạt động thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa đã làm gia tăng sự hài hòa hóa pháp luật (giữa luật quốc gia và luật quốc tế, giữa luật công và luật tư) cho phù hợp với quy luật thị trường. Điều này đã được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam. Cụ thể:

(i) Tạo ra sự tương tác tích cực giữa luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia, trong đó luật pháp quốc gia đã dần dần được quốc tế hóa hay có những điều chỉnh tương thích với luật pháp quốc tế; có sự công nhận tính ưu tiên áp dụng luật pháp quốc tế so với luật pháp trong nước, ví dụ như quy định tại điều 5 Luật thương mại Việt Nam năm 2017⁴; hoặc như vấn đề tiêu chuẩn hóa (standardization) pháp luật, hay các quyền về lao động của ILO đã được các thành viên CPTPP cam kết cụ thể hóa trong pháp luật quốc gia, đó là quyền tự do liên kết và quyền thương lượng tập thể; xóa bỏ lao động cưỡng bức; xóa bỏ lao động trẻ em và cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất; và loại bỏ sự phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp; quy định hóa mức lương tối thiểu, số giờ làm việc, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Trong chương lao động của CPTPP, quyền công đoàn đã được xác định rõ là một quyền dân sự - kinh tế, chứ không phải là một quyền chính trị. Một số các quyền về lao động nói trên đã được cụ thể hóa trong Bộ luật Lao động sửa đổi của Việt Nam năm 2019 và các Nghị quyết của Quốc hội Việt Nam phê chuẩn gia nhập các hiệp định CPTPP, EVFTA và 7/8 Công ước cốt lõi của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động;

(ii) Là yếu tố tác động đến quá trình xã hội hóa pháp luật và làm mờ hơn ranh giới (hay có sự giao thoa nhiều hơn) giữa luật công và luật tư, các quan hệ kinh tế - thương mại được điều chỉnh nhiều hơn bằng các quy phạm hỗn hợp (đặc điểm của dòng họ Civil Law);

(iii) Với Việt Nam, hoạt động thương mại quốc tế đã tạo ra môi trường để pháp luật Việt Nam hài hòa hóa với luật pháp của các nước khu vực ASEAN và châu Âu (thể hiện qua việc Việt Nam là thành viên CPTPP, EVFTA và hiệp định bảo hộ đầu tư Việt

Nam - EU, EVIPA); làm gia tăng vai trò điều chỉnh của pháp luật thông qua việc pháp điển hóa (bãi bỏ; sửa đổi, bổ sung; và ban hành mới) hệ thống pháp luật Việt Nam từ trung ương đến địa phương.

Hai là, hoạt động thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa ít nhiều tác động đến thực tiễn áp dụng pháp luật. Cụ thể như:

(i) Các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động áp dụng pháp luật dần hài hòa với các chuẩn mực quốc tế thông qua quá trình nội luật hóa và điều này tác động đến lĩnh vực tố tụng. Ví dụ như nguyên tắc suy đoán vô tội đã được hiến định trong pháp luật Việt Nam (Điều 31, Hiến pháp năm 2013) và đã được cụ thể hóa trong điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (điều này phù hợp với điều 11 Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của LHQ và khoản 2, điều 14 Công ước LHQ về quyền dân sự và chính trị năm 1966); hay coi trọng tinh thần của nguyên tắc due process⁵ trong xét xử;

(ii) Tham khảo áp dụng các quy phạm, các nguyên tắc và các tiền lệ của luật pháp quốc tế hoặc có nguồn gốc quốc tế vào thực tiễn áp dụng pháp luật để giải quyết các vụ việc cụ thể trong hoạt động của các tòa án và trọng tài nhằm thực hiện chương trình cải cách tư pháp Việt Nam. Ví dụ, bằng các Quyết định của TAND tối cao đến ngày 05/02/2020 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua 37 án lệ về các lĩnh vực khác nhau.

Ba là, kinh tế thị trường và thương mại quốc tế có thể là lý do để Việt Nam hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành pháp cho tương thích với các chuẩn mực quốc tế, như:

(i) Nhà nước cần thúc đẩy sự phát triển giao thương kinh tế phục vụ cho đối nội và đối ngoại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước, thực hiện bảo hộ ngoại giao cho các cá nhân và pháp nhân; tạo điều kiện cho thể nhân và pháp nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh trong

³ Luật này quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương.

⁴ Ví dụ, Điều 5 Luật Thương mại năm 2017 đã quy định về áp dụng điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài và tập quán thương mại quốc tế.

⁵ Nội dung chính của nguyên tắc due process: (i) bình đẳng của các đương sự trong việc đưa ra chứng cứ trước tòa; (ii) quy trình xét xử phải được thi hành bởi một thẩm phán độc lập có chuyên môn, cùng một bồi thẩm đoàn vô tư, khách quan; (iii) luật pháp phải được quy định sao cho một người dân bình thường có thể hiểu được hành vi phạm tội.

lãnh thổ của mình, trên cơ sở: quy định các biện pháp thuế quan, thiết lập thuế xuất nhập khẩu; các biện pháp phi thuế quan: hạn ngạch, rào cản kỹ thuật, cấp phép nhập khẩu, hệ thống mua sắm công, v.v.

(ii) các chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại, không phụ thuộc vào loại hình sở hữu và hình thức tổ chức pháp lý đều bình đẳng trước pháp luật, theo các nguyên tắc: nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử giữa những người tham gia hoạt động thương mại, có quyền và nghĩa vụ, cũng như điều kiện hoạt động như nhau; nguyên tắc bảo hộ quốc gia về quyền và lợi ích hợp pháp; nguyên tắc loại trừ sự can thiệp phi lý từ nhà nước và các cơ quan của nhà nước; nguyên tắc ưu tiên áp dụng các biện pháp kinh tế hơn so với biện pháp hành chính.

Trong điều kiện kinh tế thị trường thì các quốc gia còn phụ thuộc vào nhau là tất yếu, một vài quốc gia sẽ không thể giải quyết được các thách thức toàn cầu, như: nghèo đói và bất bình đẳng, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên trái đất và đại dương, khủng hoảng di cư; điển hình như mối đe dọa về bệnh tật và dịch bệnh (Covid-19) đã lây lan trong một thế giới được kết nối với nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Các vấn đề nói trên chỉ có thể được giải quyết bởi toàn bộ cộng đồng quốc tế trên tinh thần trách nhiệm, hợp tác và chia sẻ.

Luật Thương mại quốc tế trong kinh tế thị trường đã ít nhiều góp phần giải quyết các vấn đề nói trên, là lý do để nhà nước ban hành pháp luật điều chỉnh hoạt động của các thương nhân (thể nhân và pháp nhân) trong và ngoài nước trên cùng một thị trường quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

1. Lukashuk I.I. *Trách nhiệm toàn cầu của các quốc gia/Hệ thống pháp luật Nga trong bối cảnh toàn cầu hóa*: M., 2005. tr.20-21.
2. Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, (khoản 1, điều 3).
3. Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007 (sửa đổi bổ sung năm 2018).
4. Nguyễn Bá Diễn, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2005, tr.34-35.
5. *Giáo trình Luật Hợp đồng Thương mại quốc tế*, NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr.20-25.
6. Schmittgoff, K.M. *Xuất khẩu: Pháp luật và thực tiễn thương mại quốc tế*: Sách dịch từ tiếng anh. M., 1993. tr.8-9
7. Lukashuk I.I., Shinkaretskaya G.G., *Luật kinh tế quốc tế*. M., 2004. tr.168-185; Shumilov V.M., *Luật kinh tế quốc tế*. M., 1999; Velyaminov G.M., *Các nguyên tắc cơ bản của luật kinh tế quốc tế*. M., 1994.; Shumilov V.M., *Luật kinh tế quốc tế*. M., 2014, tr.141-220.

8. Dedusenko, A.S., *Các nguyên tắc của Luật thương mại quốc tế hiện đại*, Tạp chí Luật quốc tế, Số 2(58). M., 2005, tr.190-216.
9. Bardina M.P., *Các chủ thể hoạt động ngoại thương*. M., 2001. tr.76-87.
10. Shumilov V.M., *Bình luận về Luật điều chỉnh nhà nước về hoạt động ngoại thương*, Tạp chí Luật ngoại thương, số 2(7), M., 2006.
11. Lapshina A, C. (2011), *Vấn đề áp dụng pháp luật của Tòa Trọng tài thương mại quốc tế*, Tạp chí Pháp luật Siberia, số 1 (52), tr.142-147
12. Lê Văn Bình, (2013), *"Luật mềm": khái niệm và các dấu hiệu*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện hàn lâm KHXH Việt Nam, 9(305), tr.57-65,84.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 7)

Kết luận

Là người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác kiểm tra gắn liền với hoạt động lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Theo Người, trong công tác lãnh đạo, quản lý tất yếu phải có kiểm tra; "kiểm tra khéo về sau khuyết điểm nhất định bớt đi", "Kiểm soát khéo, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết". Tư tưởng đó của Bác, mãi mãi là kim chỉ nam định hướng cho công tác kiểm tra của Đảng và Nhà nước trong suốt quá trình hoạt động. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc kiểm tra là hoạt động thường xuyên, hàng ngày. Tấm gương thực hiện công tác kiểm tra của Người phản ánh tính hiệu quả, thực chất của kiểm tra. Những kết quả kiểm tra dùng để uốn nắn, động viên những người thực thi kịp thời điều chỉnh, sửa chữa. Những bài học lý luận và thực tiễn về công tác kiểm tra của Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng sâu sắc và vẫn còn nguyên giá trị trong giai đoạn hiện nay, khi mà những đòi hỏi của thực tế trong hoàn cảnh mới đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện hoạt động của Đảng và Nhà nước, xây dựng niềm tin vào Nhà nước trong Nhân dân. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Hải Chuyền (chủ biên, 2017), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
2. *Hồ Chí Minh, Toàn tập* (2011), Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
3. Cao Văn Thông (chủ biên, 2011), *Hồ Chí Minh về kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
4. *Bác Hồ với Thủ đô* (2014), Nxb Thanh niên.
5. *286 chuyện kể đời thường về Bác Hồ* (2012), Nxb Nghệ An, Vinh.
6. <http://tapchiquptd.vn/vi/theo-guong-bac/cong-tac-kiem-tra-giam-sat-theo-tu-tuong-ho-chi-minh/10245.html>